

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/11/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1	406	PVD2+RC5+BK6	7:25	22+0+0	0+0+0		18+0+1	0+0+0	CHUYEN 4 PAX TU RC5-BK6		
2	846	TD1+TD5+P2	7:25	20+2+0	0+0+0		19+0+3	0+0+0			
3	406	P5+TD1+PVD2	9:25	3+4+14	0+0+0		2+4+14	0+0+0			

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/11/2017	TO: PVD2 - RC5 - BK6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - PTUÁN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ XUÂN TUYẾN	PVD2	50	1	8	40	70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN BÌNH MINH	PVD2	51	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
3	TERRY CLEVELAND	PVD2	27-28	2	18		99	KHOAN	British
4	ERWAN TURLIN	PVD2	25-26	2	20		80	KHOAN	French
5	TRAN VIET ANH	PVD2	45-46	2	18		83	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN VIET HIEU	PVD2	47	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DUY THAI	PVD2	33	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN MINH	PVD2	31	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
9	DINH VAN CHAO	PVD2	40	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HUU THANH	PVD2	37	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	VU HOANG YEN	PVD2	44	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
12	DINH THANH DONG	PVD2	35	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
13	DO DANG DUY	PVD2	42	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MINH HAI	PVD2	34	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
15	LY ANH TUAN	PVD2	30	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
16	LE XUÂN TUYẾN	PVD2	36	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN NGOC THUY	PVD2	39	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN HOANG VU	PVD2	29	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
19	DOI DUY DUONG	PVD2	41	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
20	TRINH VAN DUONG	PVD2	32	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
21	MAI DUONG TUNG	PVD2	43	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	DINH VAN CHAU	PVD2	38	1	5		61	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	25	179	1.607	40	18		CHUYEN 4 PAX TU RC5 SANG BK6
2	RC5	0	0	0	0	0	0		
3	BK6	0	0	0	0	40	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>179</b>	<b>1.607</b>	<b>80</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>179</b>	<b>1.607</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21-Nov-17	TO: TD1 - TD5 - P2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN BAO	TD1	61	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN TAT THANG	TD1	75-76	2	10		65	YTE	Vietnamese
3	ĐAO VAN THUOC	TD1	59	1	5		67	NHATHAU	Vietnamese
4	PHAN CAO THUAN	TD1	60	1	7		70	NHATHAU	Vietnamese
5	TRẦN QUANG QUYEN	TD1	70	1	4		67	NHATHAU	Vietnamese
6	MAI HAI LONG	TD1	69	1	7	60	78	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG TUAN ANH	TD1	71	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM ĐÔI	TD1	62	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH VAN DIEN	TD1	57	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC DUNG	TD1					67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THANH	TD1	56	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	VU VAN KIEN	TD1	66	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VIET CHUONG	TD1	68	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TUAN DAT	TD1	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ MINH DUNG	TD1	58	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOAN VAN KHANH	TD1					62	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NAM	TD1					72	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM ĐANG NINH	TD1	65	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN HUNG LONG	TD1	64	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TIEN DUNG	TD1	63	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
21	VU VAN QUY	TD1	77	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
22	SAPONOV	TD5	35	1	5	35	80	KHOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	19	94	1.438	60	19		
2	TD5	1	1	5	80	35	0		
3	P2	0	0	0	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>20</b>	<b>99</b>	<b>1.518</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>99</b>	<b>1.518</b>	<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21-Nov-17	TO: P5 - TD1 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - PTUÁN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HANS NORBERT REINKEN	P5	26	1	10		135	CERAMIC P	German
2	DOMINIC PONTON	P5	51	1	9	60	100	CERAMIC P	German
3	QUAN DUC THANG	P5	22	1	5		60	NIPI	Vietnamese
4	TRAN ANH VINH	TD1	78	1	8		70	DIAVATLY	Vietnamese
5	ĐANG MINH VUONG	TD1	81	1	5		50	T-TIN	Vietnamese
6	LE VAN LOI	TD1	79-80	2	5		55	T-TIN	Vietnamese
7	TRINH VAN BINH	PVD2	54	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRINH QUANG HOA	PVD2	53	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN HUNG	PVD2	56	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TAN VUONG	PVD2	52	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
11	DANG DUC THIEN	PVD2	55	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TUAN ANH	PVD2	65-66	2	10		71	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN CUONG	PVD2	64	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MANH HA	PVD2	59	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN BANG	PVD2	67	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
16	TA KIM HAI	PVD2	68-69	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN TUONG	PVD2	61-63	3	17		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HUU HA	PVD2	70	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
19	VU HUY TOA	PVD2	57-58	2	17		66	KHOAN	Vietnamese
20	LE MINH HIEU	PVD2	60	1	5		70	NIPI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	3	3	24	295	60	2		
2	TD1	3	4	18	175	0	4		
3	PVD2	14	19	132	973	0	14		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>26</b>	<b>174</b>	<b>1.443</b>	<b>60</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>174</b>	<b>1.443</b>	<b>60</b>			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/11/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	TTC3+TTC2+P8	7:25	7+6+9	0+0+0		6+5+11	0+0+0	
2	426	VSP01+RC3+RP2	7:25	21+0+1	0+0+0		15+1+6	0+0+0	TRANS 1 PAX RC3-RP2
3	420	P6+AMD	7:25	10+12	0+0		9+13	0+0	
4	410	P2+VSP01	7:25	4+17	0+0		0+22	0+0	
5	846	TD5+TD2	9:25	3+18	0+0		0+22	0+0	
6	426	BK14+CLO+BK10	9:25	2+20+0	0+0+0		0+20+2	0+0+0	
7	420	P8	9:25	22	0		22	0	
8	410	AMD+MRM	9:25	9+13	0+0		4+18	0+0	
9	846	AMD	11:25	22	0		20	0	
10	426	P2-P8-P6.	11:25	22	0		21	0	Chuyến Khách P2-P8
11	420	TGTH5+P4+P1	11:25	4+10+8	0+0+0		2+11+9	0+0+0	(Là các...)
12	410	RP3+P8+TTC1	11:25	8+7+7	0+0+0		0+13+9	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/P8-3NG ĐH ĐI VỀ TRONG NGÀY



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2017	TO: TTC3 - TTC2 - P8	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hạnh - TUYẾN - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	21	1	10	35	65	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM PHƯƠNG NAM	TTC3	19	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG TẤN	TTC3	17-18	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN MINH	TTC3	22	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	TTC3	31	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA DUY	TTC3	16	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG KIẾN	TTC3	20	1	5		65	PSV	Vietnamese
8	PHUNG MINH HIẾU	TTC2	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TTC2	17	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ PHƯƠNG	TTC2	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN AN	TTC2	15-16	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LÝ THANH CHUÔNG	TTC2	18	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUANG CẢNH	TTC2	20-21	2	10		74	PSV	Vietnamese
14	CHU MINH HÙNG	P8	56	1	5		78	D-HANH	Vietnamese
15	NHÂM ĐIỆN BIÊN	P8					65	D-HANH	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN MẠNH	P8	57	1	5		80	D-HANH	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUY	P8	51-52	2			62	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN ĐÔNG	P8	54	1	5		80	YTE	Vietnamese
19	NGUYỄN PHÚC	P8	53	1	5	70	62	PSV	Vietnamese
20	TRẦN KIM CƯỜNG	P8	55	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HỒNG	P8	58	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT THÀNH	P8					71	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	7	8	49	435	35	6		
2	TTC2	6	8	37	411	0	5		
3	P8	9	8	29	622	70	11		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>115</b>	<b>1.468</b>	<b>105</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>115</b>	<b>1.468</b>	<b>105</b>			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22-Nov-17	TO: VSP01 - RC3 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - TRƯỜNG -	ETA: 09:15
CAM-1		DKHANH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VELICHKO	VSP01	21	1	4		136	KH-THAC	Russian
2	ROMANOV	VSP01	20	1	5		113	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN TRỌNG BÌNH	VSP01	03-04	2	10		66	YTE	Vietnamese
4	PHẠM VĂN MINH	VSP01	22	1	5	30	68	PSV	Vietnamese
5	TRUBOCHKIN	VSP01	12-13	2	18		83	KH-THAC	Russian
6	THIRUVENKETAM JANARTHANAN	VSP01	07-08	2	20		84	ALFALAVA	Indian
7	ĐÀO NGỌC TUYẾN	VSP01	01-02	2	19		65	AN TOAN	Vietnamese
8	LE TRƯỜNG SA	VSP01	05	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN PHÚC	VSP01	10	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	16	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TÙNG	VSP01	09	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM DUY QUANG	VSP01					76	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH HAI	VSP01	14	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN THUY	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRỌNG THỨC	VSP01	11	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HỮU TOÀN	VSP01	17-18	2	16		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUỐC TUẤN	VSP01	06	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TÔ HÙNG DŨNG	VSP01	23-24	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRINH TIEN BINH	VSP01	19	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
21	BORVINSKI	VSP01	15	1	10		90	KH-THAC	Russian
22	ĐÀO ĐỨC ĐÔNG	RP2	81	1	10	40	73	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	24	169	1.642	30	15		CHUYEN 1 PAX TU RC3 SANG RP2
2	RC3	0	0	0	0	0	1+1		
3	RP2	1	1	10	73	40	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>179</b>	<b>1.715</b>	<b>70</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>179</b>	<b>1.715</b>	<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.964 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2017	TO: P6 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIRICHENKO S.P	P6	65	1	7		75	KH-THAC	Russian
2	TRẦN VINH QUANG	P6	58-59	2	13		70	YTE	Vietnamese
3	RAMIL KOROGHLUYEV	P6	64	1	9		73	KH-THAC	Russian
4	THAI TRỌNG BÌNH	P6	66	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NAM	P6	57	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
6	PHƯƠNG VĂN MINH	P6	67-69	3	14		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU NHAN	P6	63	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐÌNH HOA	P6	62	1	5	50	60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HUY THAI	P6	61	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC AN	P6	60	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LA NGOC HOAN	AMD	92	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN DAI NGHIA	AMD	96-97	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
13	THAN CANH THINH	AMD	86-87	2	14	20	75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM TUAN HA	AMD	83	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC KHANH	AMD	91	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC THẠCH	AMD	88	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
17	LE ANH MINH	AMD	90	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU QUY ĐON	AMD	89	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LE THANH TAN	AMD	63	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ PHONG VIEN (PVDT)	AMD	82	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN QUANG	AMD	85	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TAN	AMD	84	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	10	13	75	700	50	9		
2	AMD	12	14	86	810	20	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>161</b>	<b>1.510</b>	<b>70</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>161</b>	<b>1.510</b>	<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2017	TO: P2 - VSP01	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐTuấn - THU	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN THOA	P2	18	1	9	31	76	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DUONG	P2	14	1	10	20	62	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN THUY	P2	17	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI HONG SANG	P2	15	1	15	10	85	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ SỸ KHÔI	VSP01					82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THANH	VSP01	47	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG PHUC LUONG	VSP01	44	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN THANH HA	VSP01	0			5	72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN MANH TUAN	VSP01	48	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ĐỨC THIÊN	VSP01	67	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN DUNG	VSP01	49	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH TAN DUNG	VSP01	45-46	2	15		86	KH-THAC	Vietnamese
13	GIA QUANG CUONG	VSP01	65	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TAN HAU	VSP01					63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUY ĐÔNG	VSP01	64	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN THANH LỢI	VSP01	68	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VÕ NGỌC QUYNH	VSP01	70	1	5		62	CODIEN	Vietnamese
18	LÊ VĂN NGỌC	VSP01	69	1	5	40	67	PSV	Vietnamese
19	LÊ CAO HAI	VSP01	50	1	6		65	PSV	Vietnamese
20	DƯƠNG BA HUNG	VSP01					75	PSV	Vietnamese
21	HA THE BINH	VSP01	63	1	5		67	PSV	Vietnamese
22	LUONG MANH HUONG	VSP01	71	1	3		62	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	4	4	49	289	61	0		
2	VSP01	18	15	85	1.270	45	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>19</b>	<b>134</b>	<b>1.559</b>	<b>106</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>134</b>	<b>1.559</b>	<b>106</b>			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2017	TO: TD5 - TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - TUYỀN - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN LƯU TÂM	TD5	01	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN VINH	TD5	02	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN ANH TUAN	TD5	03	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	DOROSHENKO M.K	TD2	42	1	7		98	KHOAN	Russian
5	NGUYEN VĂN SƠN	TD2	61-62	2	7		70	YTE	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	46	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÌNH DUY HẢI	TD2	41	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	40	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
9	HO VĂN HÙNG	TD2	49	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ HẢI SƠN	TD2	43	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TÚ	TD2	38	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN QUANG	TD2	51	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN MINH	TD2	45	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	CAO VĂN QUYẾT	TD2	48	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	47	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VINH THUẬT	TD2	39	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TAI THUYET	TD2	50	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG ANH	TD2	52	1	5	85	70	AN TOAN	Vietnamese
19	ĐÌNH VIỆT DŨNG	TD2	44	1	5		50	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN VĂN TIẾP	TD2	55-56	2	10		70	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	3	3	15	225	0	0		
2	TD2	17	19	92	1.208	85	22		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>22</b>	<b>107</b>	<b>1.433</b>	<b>85</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>107</b>	<b>1.433</b>	<b>85</b>			

GRAND TOAL: 1.625 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2017	TO: BK14 - CLO - BK10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Nam - TRƯỜNG -	ETA: 11:15
CAM-2		DKHANH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN MANH CUONG	BK14	74	1	16		79	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG NGOC HOAI	BK14	72-73	2	15	20	62	XAYLAP	Vietnamese
3	FOK S.I	CLO	60	1	6		121	KHOAN	Russian
4	SOCHIVES	CLO	59	1	7		115	KHOAN	Russian
5	PHAM VAN PHUONG HUNG	CLO	67	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
6	ROZGON A.L	CLO	58	1	8		99	KHOAN	Russian
7	PHAM VAN DUY	CLO					65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRUONG SON	CLO	66	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN VAN HOC	CLO	63	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHUC	CLO	69	1	9	50	69	KHOAN	Vietnamese
11	BUI NGOC TU	CLO	65	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN BINH	CLO	62	1	2		64	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN DINH	CLO	71	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
14	LE MINH HIEP	CLO	75	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN THANH TAM	CLO	64	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
16	BUI TRUONG SINH	CLO	61	1	2		69	KHOAN	Vietnamese
17	DO VAN QUANG	CLO	68	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
18	LAI CAO THANH	CLO	74	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
19	VO TRAN TRUNG	CLO	70	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
20	DO TRONG HIEN	CLO	84	1	10		70	DVL	Vietnamese
21	DANG VIET CUONG	CLO	72	1	6		69	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN HAM HA	CLO	73	1	4	40	69	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	2	3	31	141	20	0		
2	CLO	20	19	117	1.484	90	20		
3	BK10	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		22	22	148	1.625	150	22		
WEIGHT KG				148	1.625	150			

GRAND TOAL: 1.923 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22-Nov-17	TO: P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - Nnam	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VIET PHUONG	P8	70	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NHAN	P8	68	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	72-73	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ANH TRI	P8	74	1	3	75	63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRỌNG HOA	P8	66-67	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUỐC TANH	P8	69	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8					89	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẠO NGUYỄN HÙNG	P8	76	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	71	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA HOÀNG	P8					60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUANG HUY	P8	78	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG TRI NAM	P8					78	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THANH LONG	P8	89	1	10		60	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P8	79	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO QUANG THẮNG	P8	84	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HỮU DƯƠNG	P8	64-65	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HỒNG HÂN	P8	81-82	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM HỒNG QUAN**	P8	80	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
22	THÂN VĂN TY	P8	83	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	22	23	141	1.523	75	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>141</b>	<b>1.523</b>	<b>75</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>141</b>	<b>1.523</b>	<b>75</b>			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2017	TO: AMD - MRM	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HÙNG - ĐTuấn - THỤ	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VIET THANG	AMD	74	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐAO CÔNG BÌNH	AMD	70-71	2	14		72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC CUÔNG	AMD	78	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
4	LÀ NGỌC MẠNH (PVDT)	AMD	73	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN SAU	AMD	69	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN KHAC CHINH	AMD	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN THUY (PVDT)	AMD	76	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN TỬ	AMD	75	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	77	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	10	1	13		85	KHOAN	Vietnamese
11	NGHIÊM XUÂN VIỆT	MRM	07	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
12	TRỊNH QUỐC KHÁNH	MRM	01	1	5		103	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ QUANG TẠO	MRM	14-15	2	16		66	KHOAN	Vietnamese
14	POLYAKOV DMITRY	MRM	08	1	11		76	KHOAN	Russian
15	GRIGOREV ALEKSANDR	MRM	12	1	9		63	KHOAN	Russian
16	URLAPOV IVAN	MRM	11	1	8		70	KHOAN	Russian
17	KHOMBAK VLADIMIR	MRM	09	1	8		105	KHOAN	Russian
18	LÊ MINH HOÀN	MRM	02-03	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN CHINH CUÔNG	MRM	13	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
20	BUI DỤC CHUYEN	MRM	05	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN MANH	MRM	04	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
22	HOANG VAN PHUƠNG	MRM	06	1	7		60	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	9	10	67	564	0	4		
2	MRM	13	15	121	964	0	18		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>188</b>	<b>1.528</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>188</b>	<b>1.528</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2017	TO: AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hạnh - XHOÀN - HIẾU	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DINH CU	AMD	62-63	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VIET ĐỨC	AMD	76	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG KIẾN (PVDT)	AMD	98-99	2	15		89	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU ĐỨC CHI	AMD	96-97	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG ANH SON	AMD	69	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THUY	AMD	75	1	8	50	75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM HUYNH CUONG	AMD	73-74	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG ĐỨC HAI	AMD	66	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG PHONG	AMD	70	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH MAI THIÊN	AMD	65	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
11	HA QUANG HUY	AMD	67	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐƯƠNG	AMD	68	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN MINH	AMD	39	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOAN MINH QUANG	AMD	94-95	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
15	DINH HAI DANG	AMD	52	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
16	DINH HUU TUAN	AMD	600,800	2	13		67	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN TOAN**	AMD	299,899	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG MANH PHU	AMD	300	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN LỢI	AMD	64	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO KINH THAO	AMD	71-72	2	10		66	T-TIN	Vietnamese
21	LE HUU VINH	AMD	297-298	2	12		57	PSV	Vietnamese
22	LE CONG VIET	AMD	100	1	5		52	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	31	222	1.494	50	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>31</b>	<b>222</b>	<b>1.494</b>	<b>50</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>222</b>	<b>1.494</b>	<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2017	TO: P2 - P8 - P6	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Nam - DUONG - DKHÁNH	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM BA LAM	P2	35	1	7		55	LILAMA	Vietnamese
2	HOANG VAN HUY	P2	33	1	5		80	LILAMA	Vietnamese
3	LE VIET DUNG	P2	34	1	5		68	LILAMA	Vietnamese
4	PHAN BAO TOAN	P6	90	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
5	LE QUANG MINH	P6					78	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN BUI TOAN	P6	88	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG TRỌNG GIAO	P6					64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TUẤN	P6	96	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TIEN DUNG	P6	91	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ĐAI THANG	P6	86	1	5		104	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN XUAN KHANH	P6	93	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN HAI	P6	89	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NHẬT THÀNH	P6	85	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	HA DUY ĐÔNG	P6	92	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN TÙNG	P6	84	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN TAI	P6	98	1	15		80	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG PHỒ	P6	97	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
18	TRAN DUY HUNG	P6	94-95	2	7		60	GETRACO	Vietnamese
19	LE VAN HAN	P6	83	1	4		60	GETRACO	Vietnamese
20	TRAN QUANG UY	P6	99	1	5		65	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	3	3	17	203	0	0 + 1		CHUYEN 01 PAX TU P2 SANG P8
2	P8	0	0	0	0	0	0		
3	P6	17	16	85	1.185	0	21		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>19</b>	<b>102</b>	<b>1.388</b>	<b>0</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>102</b>	<b>1.388</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.490 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22-Nov-17	TO: TGTH5 - P4 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - NNam	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	77	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DUY LAM	TGTH5	78	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VIET THIEN KIEN	TGTH5	79	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU MINH SON	TGTH5	84-85	2	15		84	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO HOA VINH	P4	35	1	3		82	PSV	Vietnamese
6	TRAN VAN NAM	P4	29	1	3		80	PSV	Vietnamese
7	HOANG VAN HUNG	P4	36	1	4		77	KHI	Vietnamese
8	ĐOAN VAN TUYEN	P4	33	1	5	35	76	PSV	Vietnamese
9	PHAM CONG DIEN	P4	31	1	10		70	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN ĐONG	P4	28	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	PHAM VAN TAI	P4	37	1	5		70	PSV	Vietnamese
12	LE ĐAC NHA	P4	30	1	5		53	PSV	Vietnamese
13	VO VAN DUNG	P4	34	1	5		64	PSV	Vietnamese
14	ĐOAN VAN AI	P4	32	1	5		63	PSV	Vietnamese
15	LE KIM OANH	P1	88	1	5		60	PSV	Vietnamese
16	BUI SONG TOAN	P1	87	1	6		75	Đ KIEM	Vietnamese
17	NGUYEN QUY TAN	P1	81-82	2	10		75	Đ KIEM	Vietnamese
18	LE HONG MINH	P1	83-84	2	15	70	66	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN KHANH CHAN	P1	85	1	5		56	PSV	Vietnamese
20	PHAN SY HOAN	P1	80	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	TRAN VIET CHUNG	P1	86	1	10		60	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN THI KIM TUYEN	P1	78-79	2	10		57	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	4	5	38	284	0	2		
2	P4	10	10	50	700	35	11		
3	P1	8	11	66	519	70	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>154</b>	<b>1.503</b>	<b>105</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>154</b>	<b>1.503</b>	<b>105</b>			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2017	TO: RP3 - P8 - TTC1	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHÁI - THỤ	ETA: 13:30
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN PHAI	RP3	74	1	8		70	PVD	Vietnamese
2	NGUYEN TRAN BAO LINH	RP3	75	1	10		63	PVD	Vietnamese
3	PHAM MINH TRONG	RP3	77	1	10		69	PVD	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LONG	RP3	76	1	11		55	PVD	Vietnamese
5	TRAN VAN KIEN	RP3	73	1	10		62	PVD	Vietnamese
6	VO VAN CHINH	RP3	78	1	12		65	PVD	Vietnamese
7	NGUYEN HUU LINH	RP3	79-80	2	15		70	BASON	Vietnamese
8	HA VAN HAI	RP3	81-82	2	15		68	BASON	Vietnamese
9	TRAN XUAN MAI	P8	06	1	13		58	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VIET CUONG	P8	04-05	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN MINH TUE	P8	02	1	4		52	PSV	Vietnamese
12	LE DUC THUAN	P8	01	1	3		53	PSV	Vietnamese
13	DO THANH CHUONG	P8	07	1	3		65	PSV	Vietnamese
14	HOANG VIET HUNG	P8	03	1	5		71	PSV	Vietnamese
15	Dinh Van Thanh	TTC1	03	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN LINH HOAT	TTC1	01-02	2	9		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN SON TUNG	TTC1					75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN THUONG	TTC1	99	1	9	40	81	KH-THAC	Vietnamese
19	LE QUANG HUY	TTC1	04	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN THUY	TTC1	05	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HUNG	TTC1	06	1	5		68	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	8	10	91	522	0	0		
2	P8	6	7	43	362	0	13		
3	TTC1	7	7	39	494	40	9		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>24</b>	<b>173</b>	<b>1.378</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>173</b>	<b>1.378</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.591 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN